

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ- ST
Ngày 07 tháng 7 năm 2023
V/v “Ly hôn và giao con khi ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Sơn, bà Nguyễn Thị Liên.
- + *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Văn Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Bà Hồ Thị Lê- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn và giao con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01/06/2023 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1988.

Trú tại: đường N, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H- Sinh năm 1982.

Trú tại: Khu T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, ý kiến trình bày của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian tìm hiểu, ngày 25/04/2014 chị và anh Phạm Văn H đi đến hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh H xuất phát trên tinh thần tự do, tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và được UBND xã N nay là UBND phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại: Khu T, phường N, thành phố B, quá trình chung sống, đời sống tình cảm vợ chồng không thực sự hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng không có sự thấu hiểu, cảm thông, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến quan hệ vợ chồng rạn nứt, chị và anh H ly thân từ tháng 3/2022 đến nay, sau khi ly thân chị chuyển ra ngoài thuê nhà ở phường Đ, thành phố B còn anh H vẫn ở cùng bố mẹ tại khu T, phường N, thành phố B. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có với nhau 02 con chung là cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 10/01/2015 và cháu Phạm Trường An N, sinh ngày 05/10/2018. Sau khi vợ chồng ly thân cháu B sống cùng anh H, cháu N sống cùng chị, nếu vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị tòa án giao cả 02 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Chị H chưa yêu cầu tòa án giải quyết

Về công nợ: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không vay mượn ai tiền bạc, không có trách nhiệm dân sự với bất cứ tổ chức, cá nhân nào.

Về việc làm và thu nhập: Hiện chị đang mở cửa hàng kinh doanh Kem thu nhập bình quân 20 đến 25 triệu đồng/tháng.

Anh Phạm Văn H thừa nhận quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng và con chung như chị H trình bày là đúng, song theo anh H nguyên nhân tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H rạn nứt là do hai bên chưa thực sự thấu hiểu và cảm thông lẫn nhau, bản thân anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình và nuôi dạy các con, nếu chị H không muốn vợ chồng đoàn tụ, vẫn muốn ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H không nhất trí với yêu cầu của chị H về việc giao cả 02 con chung là cháu B và cháu N cho chị Hà nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi ly hôn, anh H đề nghị tòa án giao cả 02 con chung là cháu B và cháu N cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Về đóng góp nuôi con anh H không yêu cầu chị Hà đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Anh H không đề nghị tòa án giải quyết.

Về việc làm thu nhập; Hiện nay anh đang mở doanh nghiệp kinh doanh sản xuất cơ khí, thu nhập bình quân 20 đến 25 triệu đồng/tháng.

Làm việc với con chung là cháu Phạm Văn Gia B, cháu B trình bày: Trong thời gian bố mẹ còn chung sống, bố mẹ thường hay to tiếng với nhau, hiện nay bố

mẹ cháu đã ly thân không còn chung sống với nhau. Nếu bố mẹ phải ly hôn nguyên vọng của cháu muốn ở với bố.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và giao cả 02 con chung là cháu B và cháu N cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Về đóng góp nuôi con chị H không yêu cầu anh H phải có trách nhiệm đóng góp.

Về chia tài sản chung sau ly hôn: Chị H chưa yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai tiền bạc hay có nghĩa vụ dân sự với bất cứ ai

Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do hay vì sự kiện bất khả kháng dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là nghiêm túc, đúng pháp luật; Việc chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là nghiêm túc, của bị đơn là chưa thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Khi ly hôn, giao cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 10/01/2015 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Phạm Trường An N, sinh ngày 05/10/2018 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về tố tụng*: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thấy chị H yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn H và giao 02 con chung là cháu B và cháu N cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa chị H và anh H là “*Tranh chấp ly hôn và giao con chung khi ly hôn*”. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết

vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tại phiên tòa anh H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS hội đồng quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H.

2. *Về nội dung*: Chị H, anh H kết hôn ngày ngày 25/04/2014, được UBND xã N nay là UBND phường N, thành phố B làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại khu T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân và bản thân chị H và anh H đều đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H ly hôn với anh H.

+ *Về con chung*: Chị H và anh H có với nhau 02 con chung là cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 10/01/2015 và cháu Phạm Trường An N, sinh ngày 05/10/2018. Quá trình tổ tụng cả chị H và anh H đều có nguyện vọng mong muốn nuôi cả hai con khi vợ chồng ly hôn mà không thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung khi ly hôn.

Nhận thấy sau khi vợ chồng ly thân cháu B sống cùng anh H, cháu N sống cùng chị H. Xét việc làm thu nhập của vợ chồng thấy, cả chị H và anh H đều có việc làm thu nhập ổn định, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con là như nhau, do vậy khi ly hôn cần giao cho mỗi người nuôi 01 con chung là thỏa đáng và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của con chung, cụ thể: Giao cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 10/01/2015 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục: Giao cháu Phạm Trường An N, sinh ngày 05/10/2018 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về đóng góp phí tổn nuôi con: Quá trình tổ tụng các bên không yêu cầu và tòa án cũng đã quyết định giao cho mỗi người nuôi 01 con chung khi ly hôn nên không đặt ra giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức*: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

** Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Phạm Văn H.

** Về giao con chung khi ly hôn:* Giao cháu Phạm Văn Gia B, sinh ngày 10/01/2015 cho anh Phạm Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn; Giao cháu Phạm Trường An N, sinh ngày 05/10/2018 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

** Về đóng góp phí tổn nuôi con:* Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

** Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức:* Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2022/0000085 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,; Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết.

HTND

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Sơn Nguyễn Thị Liên

Đỗ Thế Bình

